TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2020/DS-ST
Ngày: 01-6-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp hụi và mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Ông Chung Tấn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, góp hụi và mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1980;

Địa chỉ: L4-6 TQK, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Trần Thị K: Anh Chiêm Thành L, sinh năm 1993, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 10/01/2020 (có mặt);

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1955 (vắng mặt);

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1959 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp YQ, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị K và anh Chiêm Thành L người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị Trần Thị K yêu cầu ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả cho chị K các khoản nợ sau:

Thứ nhất: Năm 2018, sau khi đối chiếu nợ cũ thì ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T nợ tiền vay mượn, tiền hụi và tiền mua mỹ phẩm là 166.500.000 đồng. Trong đó: Tiền ông Nguyễn Văn O vay mượn 143.000.000 đồng, tiền ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T nợ tiền hụi cũ 20.000.000 đồng, bà Phạm Thị T nợ tiền mua mỹ phẩm 3.500.000 đồng.

Thứ hai: Từ ngày 07/01/2018 đến ngày 18/01/2018, chị Trần Thị K cho ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T vay 02 lần với số tiền 450.000.000 đồng. Cụ thể: Vào ngày 07/01/2018, chị Trần Thị K cho ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T vay 200.000.000 đồng và ngày 18/01/2018 chị Trần Thị K cho ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T vay 250.000.000 đồng.

Thứ ba:

- Ngày 25/6/2017 âl, chị Trần Thị K có mở dây hụi loại hụi 20.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T có tham gia góp 01 phần, lĩnh hụi lần đầu tiên và góp hụi chết được 10 lần, lần thứ 11 góp được 8.000.000 đồng, còn nợ lại 12.000.000 đồng đến nay chưa góp hụi chết 14 lần với số tiền 292.000.000 đồng.

- Ngày 25/6/2017 âl, chị Trần Thị K có mở dây hụi loại hụi 30.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T có tham gia góp 01 phần, lĩnh hụi lần đầu tiên và góp hụi chết được 11 lần, còn nợ lại hụi chết 14 lần với số tiền 420.000.000 đồng. Từ ngày 14/01/2019 đến ngày 14/8/2019, ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T có trả cho chị K được 280.000.000 đồng, còn nợ lại dây hụi này số tiền 140.000.000 đồng.

Các khoản nợ nói trên đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 thì có đối chiếu nợ xong, chị Trần Thị K ghi giấy nhận nợ bà Phạm Thị T ký tên và viết họ tên xác nhận. Anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả cho chị Trần Thị K số tiền còn nợ là 1.047.500.000 đồng. Đồng thời, ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T phải trả lãi trên số tiền vay theo quy định pháp luật, đối với số tiền vay 200.000.000 đồng trả lãi từ ngày 07/01/2018 cho

đến khi kết thúc vụ án và đối với số tiền vay 250.000.000 đồng trả lãi từ ngày 18/01/2018 cho đến khi kết thúc vụ án, ngoài ra anh chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị T trình bày như sau*:

Vợ chồng bà có nợ trước đó cuối năm 2017, đầu năm 2018 sau khi đối chiếu nợ cũ thì vợ chồng bà nợ tiền vay mượn, tiền hụi và tiền mỹ phẩm của chị Trần Thị K là 166.500.000 đồng. Trong đó: Tiền ông Nguyễn Văn O vay nượn là 143.000.000 đồng, tiền nợ tiền hụi cũ là 20.000.000 đồng, tiền mua mỹ phẩm là 3.500.000 đồng.

- Ngày 07/01/2018, vợ chồng bà có vay của chị Trần Thị K 200.000.000 đồng.

- Ngày 18/01/2018, vợ chồng bà vay thêm của chị Trần Thị K 200.000.000 đồng và tiền hụi 50.000.000 đồng không có trả chuyển thành nợ vay, cụ thể số tiền vay là 250.000.000 đồng.

- Ngày 25/6/2019 âl, chị Trần Thị K có mở dây hụi loại hụi 50.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, vợ chồng bà tham gia góp 01 phần, vợ chồng bà góp 03 lần lĩnh hụi, góp hụi chết được 12 lần, còn nợ lại 14 lần hụi chết với số tiền 700.000.000 đồng. Đồng thời, từ ngày 14/01/2019 đến ngày 14/8/2019, vợ chồng bà có trả cho chị Trần Thị K được 280.000.000 đồng tiền vay, tiền hụi.

Tổng các khoản nợ nói trên là 1.047.500.000 đồng. Trong đó: Tiền vay vốn gốc còn nợ là 593.000.000 đồng, tiền hụi còn nợ là 451.000.000 đồng và tiền mua mỹ phẩm 3.500.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình làm ăn thất bát gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả toàn bộ số nợ của chị Trần Thị K 01 lần mà bà yêu cầu Tòa án xem xét cho vợ chồng bà xin trả số tiền nợ nói trên hàng tháng.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn O*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn O biết để ông O có ý kiến về việc chị K yêu cầu ông và bà T trả số tiền vay, tiền hụi và tiền mua tài sản còn nợ nhưng ông O không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu Trần Thị K, Giấy nhận nợ của bà Phạm Thị T, 02 sổ hụi ngày 25/6/2017, Giấy nhận nợ ngày 18 tháng 01 năm 2020, Giấy ủy quyền

ngày 10/01/2020, Tờ giấy ghi nội dung đối chiếu tiền nợ ngày 30/9/2019.

** Tại phiên tòa*:

Anh Chiêm Thành L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Trần Thị K yêu cầu ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả cho chị Trần Thị K số tiền còn nợ là 1.047.500.000 đồng, anh rút lại yêu cầu ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả tiền lãi, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phạm Thị T xác định, bà và ông O còn nợ chị Trần Thị K số tiền vay và tiền hụi là 1.047.500.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình làm ăn thất bát gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu, bà yêu cầu Tòa án xem xét cho vợ chồng bà trả số tiền nợ nói trên mỗi năm 240.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ nói trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn O vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn bà Phạm Thị T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn O vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn O theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị K yêu cầu ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả số tiền còn nợ là 1.047.500.000 đồng, phù hợp ý kiến trình bày của bà T cũng đồng ý trả nợ và giấy đối chiếu nợ là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định pháp luật. Người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện trả lãi suất tiền vay, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị K yêu cầu

bị đơn ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả tiền vay, tiền hụi và tiền mua bán tài sản còn nợ, bị đơn ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T có nơi cư trú tại: ấp YQ, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông O và bà T biết và ấn định thời gian để ông O và bà T có ý kiến về việc chị K khởi kiện đối với ông bà trả tiền vay, tiền hụi và tiền mua bán tài sản nhưng ông O và bà T không có ý kiến gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông O vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông O và bà T nhưng ông O vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai anh L người đại diện của chị K và bà T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông O theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Trần Thị K yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả tiền vay, tiền hụi và tiền mua bán tài sản còn nợ, khi thụ lý vụ án Tòa án xác định mối quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi. Nay Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, góp hụi và mua bán tài sản.

[4] Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị K yêu cầu bà T và ông O trả tiền vay, tiền hụi và tiền mua mỹ phẩm còn nợ là 1.047.500.000 đồng. Trong đó: Tiền vay vốn gốc còn nợ là 593.000.000 đồng, tiền hụi còn nợ là 451.000.000 đồng và tiền mua mỹ phẩm còn nợ là 3.500.000 đồng, bà T cũng đồng ý trả số tiền nói trên nhưng hẹn trả mỗi năm 240.000.000 đồng, ông O không có ý kiến yêu cầu gì. Thấy rằng lời trình bày và yêu cầu của các đương sự phù hợp với nhau về số tiền hụi, tiền vay và tiền mua mỹ phẩm bà T và ông O còn nợ chị K là phù hợp với nhau về số lượng tiền, phù hợp số tiền trong biên nhận đối chiếu tiền nợ ngày 30/9/2019 của bà Phạm Thị T cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ý kiến trình bày của bà T đồng ý trả số tiền còn nợ cho chị K mỗi năm là 240.000.000 đồng, nhưng anh L người đại diện hợp pháp của chị K không đồng ý mà yêu cầu trả đủ 01 lần. Đồng thời, tại phiên tòa vắng mặt ông O nên Hội đồng xét xử không ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự được, mà giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật sẽ thi hành.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của người đại diện của nguyên đơn, buộc bà T và ông O phải trả số tiền vay, tiền hụi phải góp và tiền mua tài sản cho K là 1.047.500.000 đồng. Trong đó: Tiền vay vốn gốc còn nợ là 593.000.000 đồng, tiền hụi còn nợ là 451.000.000 đồng và tiền mua mỹ phẩm là 3.500.000 đồng theo quy định tại Điều 440, Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Khi khởi kiện chị K yêu cầu bà T và ông O trả tiền lãi vay, tại phiên tòa hôm nay anh L người đại diện hợp pháp của chị K rút yêu cầu khởi kiện đối với ông O và bà T trả tiền lãi trên số tiền vay nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nhưng do ông O và bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông O và bà T theo quy định tại. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 440, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị K là 1.047.500.000 đồng. Trong đó: Tiền vay vốn gốc còn nợ là 593.000.000 đồng, tiền hụi còn nợ là 451.000.000 đồng và tiền mua mỹ phẩm là 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết một phần người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T trả lãi tiền vay.

3. Về án phí: Bị đơn ông O và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nhưng do ông O và bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị T.

Chị Trần Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Trần Thị K tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.712.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008220 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/6/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

Trần Văn Thảo